

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03-5-2024

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Sơn

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1982 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Ấp Minh T, xã Minh Th, huyện U Minh Th1, tỉnh Kiên G.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Minh Kiên A, xã Minh Th, huyện U Minh Th1, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Minh H, sinh năm 1982 (*Có đơn đề nghị vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp Minh T, xã Minh Th, huyện U Minh Th1, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Minh H (*Sau đây gọi tắt là bà M, ông H*) tự tìm hiểu nhau được khoảng 02 năm thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào năm 2002, đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Th, huyện U Minh Th1, tỉnh Kiên G vào ngày 25/5/2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không tiếng nói chung nên hay cự cãi, hôn nhân chỉ còn trên danh nghĩa vợ chồng, nhiều lần vợ chồng hàn gắn nhưng không thành nên tự ly thân từ tháng 11/2023 đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, bà M yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà M, ông H có 03 người con chung Trần Yến Linh, sinh năm 2003, Trần Chí Hào, sinh năm 2005 và Trần Thiên Kim, sinh ngày 17/11/2021, giới tính nữ (bà Mén đang nuôi dưỡng). Vợ chồng ly hôn bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Thiên Kim, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Đối với Yến Linh và Chí Hào đã trưởng thành nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M, ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà M, ông H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Minh H trình bày:

Về hôn nhân: Ông H thống nhất với lời trình bày của bà M về thời gian tổ chức lễ cưới và nơi đăng ký kết hôn. Ông H thừa nhận thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng nhau, nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Bà M bỏ nhà đi từ tháng 11/2023 đến nay, bà M yêu cầu ly hôn ông không đồng ý, do con thương bà M.

Về con chung: Bà M và ông H có 03 người con chung Trần Yến Linh, sinh ngày 18/4/2003, giới tính nữ, Trần Chí Hào, sinh ngày 10/01/2005, giới tính nam và Trần Thiên Kim, sinh ngày 17/11/2021, giới tính nữ (bà Mén đang nuôi dưỡng). Vợ chồng ly hôn bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Thiên Kim, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, ông đồng ý.

Về tài sản chung: Ông H, bà M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông, bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà M vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trần Thiên Kim, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; chia tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX), nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 27/3/2023 bị đơn ông Trần Minh H có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. *Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền xét xử*: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3]. *Về nội dung vụ án*:

Về hôn nhân: Bà M, ông H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ngày 25/5/2018, nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông H là hợp pháp. Lý do bà M yêu cầu ly hôn với ông H do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, việc này cũng được bị đơn ông H thừa nhận. Mâu thuẫn vợ chồng bà M, ông H bắt đầu từ năm 2020 kéo dài đến tháng 11/2023 bà M về nhà mẹ ruột sống tại ấp Minh Kiên A, xã Minh Th, huyện U Minh Th1 cho đến nay. Mặc dù vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài nhưng hai bên không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Ông H muốn đoàn tụ nhưng bà M kiên quyết ly hôn.

Tại phiên tòa HĐXX đã phân tích động viên, hàn gắn nhưng bà M kiên quyết ly hôn với ông H, cho thấy mâu thuẫn giữa bà M và ông H trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không hạnh phúc nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận cho bà M ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Thiên Kim. Ông H cũng thống nhất giao con chung Trần Thiên Kim cho bà Mén nuôi dưỡng. HĐXX nhận thấy cháu Thiên Kim đang sống với bà M nên tiếp tục giao cho bà M nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho cháu. Do đó HĐXX ghi nhận sự tự thỏa thuận của bà M, ông H giao con chung Trần Thiên

Kim cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà M không yêu cầu.

Đối với con chung Trần Yến Linh, Trần Chí Hào đã trưởng thành bà M và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M, ông H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Về nợ chung: Bà M, ông H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4]. *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0003063 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1. Về hôn nhân:* Cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Trần Minh H.
- 2. Về con chung:* Giao cháu Trần Thiên Kim, sinh ngày 17/11/2021, giới tính nữ (Hiện con đang sống với bà M) cho bà Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Trần Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Minh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà M, ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Nợ chung: Bà M, ông H không có nợ chung và cũng không ai nợ ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0003063 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. *Quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng